

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 357/2023/DS-PT

Ngày: 12-12-2023

V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

Các thẩm phán:

Ông Phạm Văn Diệp;

Ông Phạm Văn Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thuỷ Tiên; Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2023/TLPT- DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về “tranh chấp về thừa kế tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Căn cứ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 383/2023/QĐXX-PT ngày 26 tháng 10 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Võ Duy Q**, sinh năm: 1979. Địa chỉ: **Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Kim D**, sinh năm: 1982; Địa chỉ: **Ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh**, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Võ Thị T**, sinh năm: 1975; Địa chỉ: **Số C, đường G, khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh**, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Võ Thị Mộng T1**, sinh năm: 1980; Địa chỉ: **Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh**, vắng mặt.

2. Ông **Võ Anh Q1**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: **Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh**, vắng mặt.

3. Bà **Võ Thị Thu T2**, sinh năm: 1986; Địa chỉ: **Ấp R, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh**, vắng mặt.

4. Ông **Võ Đức P**, sinh năm: 1987; Địa chỉ: **Ấp R, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh**, vắng mặt.

5. Ông **Nguyễn Hải Q2**, sinh năm: 1992; Địa chỉ: **Ô, Khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh**, có mặt.

6. Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **G**, tỉnh **Tây Ninh**; Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Văn T3**; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **G**, tỉnh **Tây Ninh**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn (ông **Võ Duy Q**) cùng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà **Phạm Thị Kim D** trình bày:

Cố **Mai Văn N** (chết năm 2009) và cố **Phạm Thị N1** (chết năm 2012) có 11 người con gồm các cụ ông bà: **Mai Tiết T4**, **Mai Thị Tuyết S**, **Mai Thị Tuyết Đ**, **Mai Thị Tuyết H**, **Mai Thành T5**, **Mai Thị Tuyết M**, **Mai Thành L**, **Mai Thị Tuyết S1**, **Mai Thị Tuyết Kim L1**, **Mai Thị Ngọc Y** (mẹ đẻ của ông **Q**, chết năm 1997) và **Mai Chí H1** (chết năm 2014).

Di sản của các cố để lại là quyền sử dụng đất DT 3805 m², thuộc Thửa số 300, Tờ bản đồ số 29; tọa lạc tại **ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh**; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSD đất) số BH 593220, sổ vào sổ cấp GCN CH00167(CM) được Ủy ban nhân dân huyện **G**, tỉnh **Tây Ninh** cấp ngày 16-9-2011; các con 2 cố và các con của cụ **Mai Thị Ngọc Y** đã phân chia di sản thừa kế tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã **T**, huyện **G**; trong đó cụ **Mai Thị Ngọc Y** được hưởng 1 phần đất diện tích (viết tắt DT) 224,7 m², thuộc Thửa số 1396, Tờ bản đồ 29.

Cụ **Mai Thị Ngọc Y** có 07 người con gồm ông bà: **Võ Thị T**, **Võ Duy Q**, **Võ Thị Mộng T1**, **Võ Anh Q1**, **Võ Thị Thu T2** và **Võ Đức P**, **Võ Văn Q3** (chết năm 2005), **Nguyễn Hải Q2** (con riêng của cụ **Y** và cụ **V** nhưng cụ **V** không chung sống như vợ chồng).

Tuy nhiên, bà **Võ Thị T** (con cụ **Y**) lập Tờ tường trình về quan hệ nhân thân không có tên của ông **Võ Duy Q** (con cụ **Y**). Nay ông **Võ Duy Q** yêu cầu tuyên bố 01 phần của Văn bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 16-3-2021 tại **UBND xã T**; đối với phần DT 224,7 m² đất vô hiệu; chia di sản thừa kế DT 224,7 m², cho 07 anh em của ông **Võ Duy Q**; mỗi người 01 phần bằng nhau, có yêu cầu lấy giá trị bằng tiền theo giá đã thẩm định, giao đất cho bà **T**.

Việc thờ cúng cụ **Y** do anh em góp tiền và thay phiên cúng giỗ. Mộ mã cụ **Y** do anh em hùn xây, bà **T** không có công sức đóng góp vào khối di sản.

Bị đơn bà **Võ Thị T** trình bày: Thống nhất di sản thừa kế và hàng thừa kế của cụ **Y** như ông **T** trình bày. Tuy nhiên, bà **T** là con riêng của cụ **Y** với cụ **Lê Tấn C** (chết 1985)., nhưng khai sinh của bà lấy tên cha **Võ Văn Q3**. Ngày 16-3-2020, tại **UBND xã T**, **A**, **P**, **T2** và **Q2** có mặt, đã ký tên giao đất đang tranh chấp cho bà; **T1** và **Duy Q** có nói không cần chia đất nên không đến; nhưng trên văn bản có chữ ký tên của **T1**.

Văn bản phân chia tài sản thừa kế thể hiện chia đất cho bà, không phải chia cho các em của bà; vì bà sống chung với cụ Y; chăm lo cho mẹ; khi cụ Y chết bà lo đám tang, mồ mả, thờ cúng. Ngày giỗ cụ Y; các em bà có người về người không, có năm không có ai về. Trước khi cụ Y chết có nợ tiền 1 số người, bà đã trả nợ thay, ông bà ngoại có phụ trả; do chủ nợ chết nên không cung cấp được chứng cứ.

Bà có hứa cho ông Q2 số tiền 100.000.000 đồng sau khi bán đất để ông Q2 cất nhà sinh sống, cậu của bà có hứa cho ông Q2 đất để xây nhà nhưng không cho sang tên. Các em còn lại, bà không hứa cho tiền, bà có nói nếu bán được đất sẽ cho mỗi người 30.000.000 đồng.

Ông Duy Q yêu cầu, bà không đồng ý. Khi ông Q2 xây nhà; bà sẽ mua vật liệu xây dựng trị giá 100.000.000 đồng, bà không cho tiền mặt; không cho ai khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Hải Q2 trình bày:

Ông có ký tên trên Văn bản phân chia di sản thừa kế, giao DT 224,7 m² đất cho bà T; do bà T hứa cho 100.000.000 đồng khi bán đất, nhưng sau đó bà T nói không bán đất và cũng không cho tiền ông. Nên ông đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Duy Q, yêu cầu được nhận tiền.

2/ Ông Võ Anh Q1 trình bày: Ông có ký tên trên Văn bản phân chia di sản thừa kế, giao DT 224,7 m² đất cho bà T; do bà T gợi ý anh em giao đất sẽ cho lại mỗi người 50.000.000 đồng, đến nay không nói đến; ông yêu cầu chia di sản thừa kế DT 224,7 m² đất cho 07 người 01 phần bằng nhau, ông nhận tiền.

Trước đây, bà T thờ cúng mẹ; do tranh chấp, không ai đến nhà bà T; những người còn lại năm về nhà người này, năm về nhà người khác cúng giỗ, kể cả giỗ cha.. Bà T không lo cho mẹ; mồ mả của mẹ do anh em hùn tiền làm.

3/ Bà Võ Thị Mộng T1, ông Võ Đức P và bà Võ Thị Thu T2 trình bày có nội dung thống nhất: Thống nhất với lời trình bày của ông Võ Anh Q1. Bà T1 còn trình bày bổ sung: Ngày ký Văn bản phân chia di sản thừa kế bà không có mặt, ai ký tên thay cho bà; nhưng bà T1 không yêu cầu giám định chữ ký, không yêu cầu khác.

4/ Ủy ban nhân dân xã T, huyện G; do Người đại diện trình bày:

Vấn đề kê khai quan hệ nhân thân khi thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do đương sự tự kê khai, bà T kê khai hàng thừa kế thứ nhất của cụ Y có sót ông Võ Duy Q, bà T tự chịu trách nhiệm, UBND xã T không có lỗi. Do đó UBND xã T không đồng ý tuyên bố Văn bản chứng thực được lập ngày 16-3-2021 vô hiệu. Nếu Tòa án xét thấy đủ căn cứ, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm số 84/2023/DS-ST ngày 31-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; quyết định:

Căn cứ vào Điều 92 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 650, 651, 652 và 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Duy Q.**

1. Tuyên bố vô hiệu 01 phần Văn bản phân chia di sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G chứng thực ngày 16-3-2021, đối với phần đất có diện tích 224,7 m² gồm (44,4 m² đất ONT và 180,3 m² đất CLN) thuộc thửa số 1396, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại ấp R, xã T, huyện G, Tây Ninh, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà **Võ Thị T** đứng tên, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 18-4-2023, số CS16016. Tứ cận: Đông giáp thửa 1317 dài 51,50 mét, Tây giáp thửa 1395 dài 52,15 mét, Nam giáp đường đất dài 5 mét, Bắc giáp 1432 dài 3,70 mét.

2. Giao bà **Võ Thị T** được quyền sử dụng phần diện tích đất như Mục 1 phần quyết định đã nêu.

3. Buộc bà **Võ Thị T** có nghĩa vụ giao cho các đương sự gồm: ông **Võ Duy Q**, bà **Võ Thị Mộng T1**, ông **Võ Anh Q1**, bà **Võ Thị Thu T2**, ông **Võ Đức P** và ông **Nguyễn Hải Q2** mỗi người số tiền 71.454.600 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự gồm bà **T**, ông **Duy Q**, bà **T1**, ông **Anh Q1**, bà **T2**, ông **P** và ông **Q2** mỗi người phải nộp mỗi người phải nộp 3.577.280 đồng. Ghi nhận ông **Duy Q** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0024774 ngày 18-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu nên được khấu trừ. Ông **Duy Q** còn phải nộp tiếp số tiền 2.327.280 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thaaem khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bản án quyết định chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14-8-2023, bà **Võ Thị T** có đơn kháng cáo nội dung: đề nghị không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nội dung vụ án được xác định như sau:

[1.1] Cụ **Mai Thị Ngọc Y** chết năm 2017 có 7 người con gồm: **Võ Thị T**, **Võ Thị Mộng T1**, **Võ Anh Q1**, **Võ Duy Q**, **Võ Thị Thu T2**, **Võ Đức P**, **Nguyễn Hải Q2**.

[1.2] Di sản của cụ **Y** chết để lại: Diện tích 224,7m² đất tọa lạc tại xã T, huyện G; nguồn gốc của cha mẹ đẻ cụ **Y** chết để lại, được các đồng thừa kế cụ **Y** lập Văn bản phân chia di sản thừa kế vào ngày 16-3-2021 tại UBND xã T;

[1.3] Cùng ngày 16-3-2021, các ông bà **Võ Thị T**, **Võ Thị Mộng T1**, **Võ Anh Q1**, **Võ Thị Thu T2**, **Võ Đức P**, **Nguyễn Hải Q2**; cùng ký tên trên Văn bản phân chia di sản thừa kế, giao hết 224,7m² đất cho bà **Võ Thị T**; Văn bản có nội dung như sau: *Giao cho chị của chúng tôi là **Võ Thị T** toàn quyền sử dụng và định*

đoạt phần đất đã được cấp giấy Thửa số 1396, TBD số 29; địa chỉ xã T, DT 224,7m²;

[1.4] Đất tranh chấp hiện nay Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp GCNSD đất vào ngày ngày 20-4-2021 cho bà Võ Thị T.

[1.5] Tuy nhiên, bà Võ Thị Trung l Tờ tường trình về quan hệ nhân thân, xác định hàng thừa kế của cụ Mai Thị Ngọc Y bỏ sót ông Võ Duy Q và ông Q không có mặt.

[1.6] Nay ông Q yêu cầu huỷ 01 phần Văn bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 16-3-2021 tại UBND xã T đối với diện tích 224,7m² đất; chia diện tích 224,7m² đất của cụ Y cho 07 chị em của ông; mỗi người 01 phần; các ông bà Anh Q, T2, T1, Q2, P cùng yêu cầu với nguyên đơn; Ông Duy Q được Toà án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên bị đơn kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của bà T thấy rằng:

[2.1] Nguồn gốc của Di sản các bên tranh chấp có DT 224,7m²; đất tại xã T, huyện G; của Cố Mai Văn N và cố Phạm Thị N1 chết để lại, không có di chúc, được các đồng thừa kế của cố Năng, cố Năm xác nhận.

[2.1] Đến ngày 16-3-2021, hàng thừa kế thứ nhất của cố Năng, cố Năm đã lập Văn bản phân chia di sản thừa kế tại UBND xã T, huyện G; phân chia cho cụ Mai Thị Ngọc Y được hưởng DT 224,7m² đất; do cụ Y chết nên hàng thừa kế của cụ Y gồm các ông bà Võ Thị T, Võ Duy Q, Võ Thị Mộng T1, Võ Anh Q1, Võ Thị Thu T2, Võ Đức P, Nguyễn Hải Q2 được hưởng; nhưng bà Võ Thị T cho rằng DT 224,7m² đất của cụ Y được hưởng là khi cố Năm, cố N (ông bà ngoại) còn sống đã cho riêng bà T; nhưng không có giấy tờ chứng minh.

[2.2] Tuy nhiên, căn cứ Văn bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 16-3-2021 chứng thực tại UBND xã T; về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Mai Thị Ngọc Y đối với DT 224,7m² đất; các ông bà Võ Thị Mộng T1, Võ Anh Q1, Võ Thị Thu T2, Võ Đức P, Nguyễn Hải Q2 cùng ký tên, giao phần di sản của mình được hưởng, cho bà Võ Thị T toàn quyền sử dụng và định đoạt phần đất đã được cấp GCNQSD đất có DT 224,7m² mà không có điều kiện, nhưng Toà sơ thẩm phân chia lại DT 224,7m² đất cho các ông bà Võ Thị Mộng T1, Võ Anh Q1, Võ Thị Thu T2, Võ Đức P, Nguyễn Hải Q2; mỗi người 1 phần thừa kế giá trị 71.454.600 đồng, buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán mỗi người số tiền 71.454.600 đồng không phù hợp;

[2.3] Chấp nhận 1 phần kháng cáo của bà Võ Thị T; sửa bản án sơ thẩm; đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà không phù hợp ý kiến của Hội đồng xét xử.

[3] Chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp số tiền 10.500.000 đồng, các ông bà T, Duy Q, T1, Anh Q1, T2, P và Q2; mỗi người phải chịu số tiền 1.500.000 đồng. Do ông Võ Duy Q nộp tạm ứng chi phí, nên bà T, ông Duy Q, T1, Anh Q1, T2, P và Q2; có nghĩa vụ thanh toán cho ông Võ Duy Q; ghi nhận ông Võ Duy Q nộp xong.

[4] Án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30- 12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà **Võ Thị T** không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà **Võ Thị T**.

Sửa Bản án **dân sự sơ thẩm số 84/2023/DS-ST**, ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ các Điều 117, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Duy Q**. Tuyên bố vô hiệu một phần Văn bản phân chia di sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; chứng thực vào ngày 16-3-2021; đối với diện tích 224,7m² đất (44,4 m² đất ONT và 180,3 m² đất CLN), thuộc Thửa số 1396, Tờ bản đồ số 29; tại **ấp R, xã T, huyện G, Tây Ninh**; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS16016, do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp ngày 18-4-2023 cho bà **Võ Thị T**.

Tứ cận: Đông giáp Thửa 1317 dài 51,50 mét, Tây giáp Thửa 1395 dài 52,15 mét, Nam giáp đường đất dài 5 mét, Bắc giáp 1432 dài 3,70 mét.

2. Giao cho bà **Võ Thị T** được quyền quản lý, sử dụng diện tích 224,7 m² đất (44,4 m² đất ONT và 180,3 m² đất CLN), thuộc Thửa số 1396, Tờ bản đồ số 29; tại **ấp R, xã T, huyện G, Tây Ninh**; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS16016, do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp ngày 18-4-2023 cho bà **Võ Thị T**.

Tứ cận: Đông giáp Thửa 1317 dài 51,50 mét, Tây giáp Thửa 1395 dài 52,15 mét, Nam giáp đường đất dài 5 mét, Bắc giáp 1432 dài 3,70 mét.

3. Buộc bà **Võ Thị T** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **Võ Duy Q** số tiền 71.454.600 (bảy mươi một triệu, bốn trăm, năm mươi bốn ngàn, sáu trăm) đồng.

4. Chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Các ông bà **Võ Thị T, Võ Thị Mộng T1, Võ Anh Q1, Võ Duy Q, Võ Thị Thu T2, Võ Đức P, Nguyễn Hải Q2**; mỗi người phải chịu số tiền 1.500.000 (một triệu, năm trăm ngàn) đồng và có nghĩa vụ thanh toán cho ông **Võ Duy Q**. Ghi nhận ông **Võ Duy Q** đã nộp.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Võ Duy Q4** phải chịu số tiền 3.577.280 (ba triệu, năm trăm, bảy mươi bảy ngàn) đồng, khấu trừ vào Biên lai thu số 0024774 ngày 18-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu; còn phải nộp tiếp số tiền 2.327.280 (hai triệu, ba trăm, hai mươi bảy ngàn, hai trăm tám chục) đồng.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà **Võ Thị T** không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà **Võ Thị T** số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, căn cứ Biên lai thu số 0025773 ngày 14/8/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Minh Châu

